

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN L BIÊN
TP HỒNH PHỐ H NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2020/HNGĐ-ST

Ngày 10/3/2020

V/v: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN L BIÊN**

- T Hnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Đăng Vĩnh**

Các hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Đình Đạt**

Bà Đặng Thị Nhac

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thu H - Thư ký Tòa án nhân dân quận L Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L Biên tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thanh H - Kiểm sát viên

Ngày 10/3/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận L Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 768/TLST-HNGĐ ngày 16/12/2019 về việc: *Tranh chấp ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05/02/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST- HNGĐ ngày 28/02/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Thái H, sinh năm 1987

Địa chỉ: số 30/67 tổ 21, phường Đ, quận L Biên, TP H Nội

(Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Chị Nguyễn Mai H, sinh năm 1987

HKTT: số 30/67 tổ 21, phường Đ, quận L Biên, TP H Nội

Nơi ở hiện tại: số 23/81 tổ 21, phường Đ, quận L Biên, TP H Nội

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là anh Lê Thái H trình bày:**

Anh và chị H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 20/10/2011 tại UBND phường Đ, quận L Biên, TP H Nội. Chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh thường xuyên phải đi làm ăn ở nơi xa, không có thời gian để chăm lo gia đình. Tình cảm vợ chồng cũng đã rạn nứt nhiều, chỉ thỉnh thoảng mới nói chuyện với nhau. Cuối năm 2013, chị H đã từng yêu cầu ly hôn. Từ năm 2013 đến nay, anh chị sống ly thân, mỗi người một nơi. Hai anh chị cũng có thời gian tự hòa giải, nói chuyện với nhau và cũng đã được hai bên gia đình đã khuyên nhủ, hòa giải nhưng mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không hề được cải thiện. Nay anh nhận thấy cuộc sống chung của anh chị không còn hạnh phúc, không còn có khả năng Hn gắn, anh không còn tình cảm gì với chị H nữa nên anh xin được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Lê Thái Nguyên L, sinh ngày 27/9/2012. Sau khi ly hôn, anh đồng ý để chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 6.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn- chị Nguyễn Mai H trình bày:** Anh chị kết hôn với nhau năm 2011, có đăng ký tại UBND phường Đ, quận L Biên, TP H Nội. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc. Vì chồng chị đang sống và làm việc tại nước Đức nên trong khoảng thời gian sau kết hôn đến nay rất ít khi về thăm con cái và gia đình. Anh H thiếu trách nhiệm với mẹ con chị. Anh chị không có mâu thuẫn gì. Chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Lê Thái Nguyên L, sinh ngày 27/9/2012. Chị không có ý kiến gì về việc ai là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Chị không yêu cầu giải quyết

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L Biên phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án như sau:**

- Về thẩm quyền: Toà án nhân dân quận L Biên đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Thẩm phán lập hồ sơ, xác minh, thu thập chứng cứ, tiến Hnh giao các văn bản tố tụng và tiến hành trình tự, thủ tục tại phiên toà đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến Hnh tố tụng tại phiên toà đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không đến Tòa án để làm việc mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, vi phạm các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh H, giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh H cấp dưỡng nuôi con 6,5 triệu đồng/tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi; tài sản không xem xét giải quyết; anh H phải nộp án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Mai H có hộ khẩu thường trú tại tổ 21, phường Đ, quận L Biên, TP H Nội. Tại thời điểm anh H có đơn xin ly hôn, chị H đang sinh sống tại số 23 ngõ 81 phố Đ, phường Đ, quận L Biên, TP H Nội đã được chính quyền địa p H xác nhận (BL 03, 04). Anh H cũng có hộ khẩu thường trú tại tổ 21, phường Đ, quận L Biên, t Hnh phố H Nội (BL 04). Hiện nay, do tính chất công việc nên anh thường xuyên đi lại giữa Việt Nam và các nước khác, thể hiện qua hộ chiếu, hợp đồng lao động của anh (BL 30 đến 67). Anh H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân quận L Biên thụ lý vụ án giải quyết là đúng thẩm quyền và xét xử vắng mặt anh H là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh Lê Thái H và chị Nguyễn Mai H đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, quận L Biên, t Hnh phố H Nội ngày 20/10/2011 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 167, quyền số 01/2011. Xét thấy anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn và có tìm hiểu, do đó đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của anh Lê Thái H đối với chị Nguyễn Mai H, Hội đồng xét xử nhận định: Theo lời tự khai của hai anh chị và qua xác minh tại chính quyền địa p H thể hiện: Anh chị kết hôn với nhau năm 2011. Sau khi kết hôn, anh chị có chung sống tại n H bố mẹ đẻ anh H một thời gian ngắn, sau đó chị H về n H bố mẹ đẻ cho đến nay. Quá trình chung sống, giữa hai anh chị đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến căng thẳng. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Anh H xác định cuộc sống chung không có hạnh phúc, anh không còn tình cảm với chị H và anh chị không có khả năng Hn gắn. Bản thân chị H

không đồng ý ly hôn nhưng chị cũng không có biện pháp nào để Hn gắn quan hệ vợ chồng. Hai bên gia đình cũng biết mâu thuẫn vợ chồng của anh chị, có nhắc nhở, hòa giải để anh chị Hn gắn nhưng anh chị vẫn không có sự quan tâm đến nhau, không quan tâm đến gia đình, anh H vẫn kiên quyết ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa anh H và chị H đã căng thẳng, đời sống chung không thể kéo dài và không có hạnh phúc. Vì vậy, anh H xin ly hôn với chị H là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H đối với chị H.

[3] Về con chung: Tài liệu thu thập trong vụ án thể hiện: Anh H và chị H trong thời kỳ hôn nhân có một con chung là cháu Lê Thái Nguyên L, sinh ngày 27/9/2012. Hiện nay, cháu L đang ở với chị H. Sau khi ly hôn, anh H đồng ý để chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 6.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. HĐXX thấy rằng: Hiện tại anh H đi làm ăn nơi xa không có điều kiện gần gũi, chăm sóc con, cháu L ở với chị H từ khi cháu còn nhỏ đến nay và chị H vẫn chăm sóc con tốt. Vì vậy, để không xáo trộn cuộc sống của cháu, giao cháu L cho chị H được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh H đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho chị H 6.500.000 đồng/ tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

[5] Về án phí: Anh H phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Thái H đối với chị Nguyễn Mai H. Anh Lê Thái H được ly hôn với chị Nguyễn Mai H.

2.Về việc nuôi con chung: Xác định anh H và chị H có 01 (Một) con chung là cháu Lê Thái Nguyên L, sinh ngày 27/9/2012. Ly hôn, giao cháu L cho chị H

được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh H đóng góp cấp dưỡng nuôi con 6.500.000 đồng/tháng (Sáu triệu, năm trăm nghìn đồng một tháng) đối với chị H cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định pháp luật khác thay thế.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung và công nợ: Anh H, chị H không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Anh H phải chịu **300.000 đồng** (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và **300.000 đồng** (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015818 ngày 16/12/2019 tại Chi cục thi Hành án dân sự quận L Biên. Nay, anh H còn phải nộp **300.000 đồng** (*Ba trăm nghìn đồng*).

Án xử công khai sơ thẩm.

Anh Lê Thái H, chị Nguyễn Mai H đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TANDTP Hà Nội;
 - VKSND q. Long Biên;
 - Chi cục THADS q. Long Biên;
 - Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đăng Vĩnh

Nơi nhận:

- TAND TP H Nội;
 - VKSND q. L Biên;
 - THADS q. L Biên;
 - UBND P. Đ
- (Số 167, quyển số 01/2011);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Đăng Vĩnh